

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173014 - Đồ án Thiết kế Cầu
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Bùi Nhật	Hưng	3471010152	16/12/1992		,00	,00	
2	Ngô Văn	Mạnh	3571010018	14/01/1992		9,00	9,00	
3	Lê Tiến	Đạt	3571010022	28/06/1993		9,00	9,00	
4	Trần Xuân	Sơn	3571010028	22/02/1993		7,00	7,00	Nợ HP
5	Nguyễn Tấn	Ân	3571010032	04/06/1993		9,00	9,00	
6	Nguyễn Thế	Trung	3571010039	10/12/1993		8,00	8,00	
7	Ngô Đình	Cảnh	3571010047	05/01/1993		6,00	6,00	
8	Trần Quốc	Thịnh	3571010050	06/02/1993		8,00	8,00	
9	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	3571010053	10/12/1993		,00	,00	Nợ HP
10	Lâm Sĩ	Thắng	3571010061	10/08/1993		9,00	9,00	Nợ HP
11	Phan Ngọc	Hòa	3571010068	23/01/1993		,00	,00	Nợ HP
12	Phạm Quang	Cần	3571010074	24/12/1993		8,00	8,00	
13	Nguyễn Tuấn	Anh	3571010078	26/03/1993		6,00	6,00	
14	Vũ Bách	Hùng	3571010093	07/08/1993		6,00	6,00	
15	Dương Tấn	Phi	3571010114	23/05/1993		8,00	8,00	
16	Nguyễn Trần Thế	Vinh	3571010125	08/04/1993		9,00	9,00	
17	Nguyễn Vinh	Quang	3571010126	10/09/1992		8,00	8,00	
18	Nguyễn Duy	Định	3571010130	20/11/1991		9,00	9,00	Nợ HP
19	Lê Ngọc	Hồng	3571010131	15/03/1993		,00	,00	Nợ HP
20	Mai Thành	Đạt	3571010141	10/10/1990		,00	,00	
21	Nguyễn Công	Tám	3571010155	06/03/1993		8,00	8,00	
22	Dương Kim	Hịu	3571010164	16/03/1993		,00	,00	Nợ HP
23	Lê Văn	Chung	3571010176	13/03/1993		8,00	8,00	
24	Trương Doãn	Quân	3571010185	10/10/1993		9,00	9,00	Nợ HP
25	Nguyễn Văn	Vũ	3571010187	24/11/1992		8,00	8,00	Nợ HP
26	Trần Tấn	Định	3571010189	30/10/1993		8,00	8,00	
27	Nông Thanh	Trong	3571010190	20/02/1993		9,00	9,00	
28	Đinh Xuân	Cảnh	3571010191	07/05/1991		7,00	7,00	
29	Lê Đại	Ngà	3571010194	10/10/1993		8,00	8,00	
30	Huỳnh Kim	Đông	3571010195	01/12/1992		8,00	8,00	
31	Lưu Văn	Cường	3571010243	15/11/1993		9,00	9,00	
32	Trần	Nhơn	3571010246	02/08/1993		7,00	7,00	
33	Trần Trung	Dũng	3571010249	10/05/1993		9,00	9,00	
34	Nguyễn Diệp Hoàng	Chinh	3571010263	23/01/1993		6,00	6,00	
35	Trần Ngọc	Thanh	3571010270	18/03/1993		7,00	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Thanh	Thịnh	3571010273	24/05/1993		7,00	7,00	
37	Nguyễn Minh	Chính	3571010274	20/06/1993		9,00	9,00	
38	Nguyễn Hải	Hưng	3571010281	07/02/1993		6,00	6,00	
39	Đỗ Hùng	Mạnh	3571010283	27/05/1992		6,00	6,00	
40	Trần Hồng	Nam	3571010292	24/04/1992		5,00	5,00	
41	Phan Văn	Lộc	3571010296	12/08/1993		,00	,00	Nợ HP
42	Nguyễn Chánh	Tín	3571010299	10/03/1991		8,00	8,00	
43	Lê Hoàng	Đào	3571010307	04/12/1993		6,00	6,00	Nợ HP
44	Phan Trường	Giang	3571010311	14/10/1993		7,00	7,00	
45	Võ Minh	Tuấn	3571010316	14/07/1993		7,00	7,00	
46	Đặng Hữu	Minh	3571010319	26/12/1992		7,00	7,00	
47	Trần Minh	Tuấn	3571010321	24/05/1992		5,00	5,00	
48	Nguyễn Đình	Hào	3571010327	13/09/1992		6,00	6,00	
49	Trần Thanh	Duy	3571010330	30/08/1993		5,00	5,00	
50	Trần Thanh Bé	Thanh	3571010332	00/00/1993		6,00	6,00	
51	Phan Văn	An	3571010342	05/09/1993		5,00	5,00	
52	Phan Công	Thành	3571010349	/ /1993		5,00	5,00	
53	Đỗ Duy	Toàn	3571010351	07/11/1992		7,00	7,00	
54	Nguyễn Hữu	Phước	3571010357	27/01/1993		9,00	9,00	
55	Hoàng Văn	Diệm	3571010359	01/08/1993		8,00	8,00	
56	Phạm Văn	Ty	3571010368	26/05/1993		9,00	9,00	
57	Cao Phương	Quý	3571010371	01/10/1993		7,00	7,00	
58	Đình Công	Phúc	3571010378	09/03/1993		9,00	9,00	
59	Đình Bạt	Thành	3571010383	19/02/1993		7,00	7,00	Nợ HP
60	Trần Hồng	Quân	3571010391	25/01/1993		3,00	3,00	
61	Nguyễn Minh	Hùng	3571010396	13/01/1993		7,00	7,00	Nợ HP
62	Đỗ Văn	Huy	3571010398	10/02/1992		6,00	6,00	
63	Hồ Sỹ	Đạt	3571010417	24/07/1993		7,00	7,00	Nợ HP
64	Nguyễn Xuân	Biên	3571010422	19/09/1992		7,00	7,00	
65	Trần Đình	Bé	3571010545	05/06/1993		7,00	7,00	Nợ HP
66	Nguyễn Danh	Sơn	3571010639	01/10/1993		6,00	6,00	
67	Lương Tấn	Hường	3571011010	05/04/1993		7,00	7,00	Nợ HP
68	Phan Văn Minh	Luân	3571011210	09/12/1992		8,00	8,00	
69	Lê Đức	Mạnh	3571011444	12/05/1992		,00	,00	Nợ HP
70	Đặng Duy	Thiện	3571011455	18/08/1993		6,00	6,00	
71	Lê Văn	Nghi	3571011456	10/07/1993		7,00	7,00	
72	Nguyễn Hoàng	Hải	3571011544	12/05/1992		6,00	6,00	
73	Nguyễn Minh	Công	3571011771	24/09/1991		8,00	8,00	
74	Ngô Nhật	Huy	3571011781	04/10/1992		,00	,00	Nợ HP
75	Cao Minh	Lam	3571011785	10/03/1992		8,00	8,00	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Văn Tú	3571011788	02/05/1993		5,00	5,00	Nợ HP
77	Hoàng Trọng Đức	3571011802	14/10/1992		5,00	5,00	
78	Trần Văn Quang	3571011813	10/07/1993		9,00	9,00	
79	LUU QUANG CHINH	3571011831	30/09/1982		,00	,00	
80	CHAU HIỆP HUY	3571011832	17/12/1992		6,00	6,00	
81	Nguyễn Tấn Đạt	3571011839	21/05/1993		7,00	7,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)